

Phụ lục 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT
ngày 17/01/2026 của Bộ CôngThương)

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN DƯƠNG HANH

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Phiếu an toàn hóa chất	Logo của doanh nghiệp (không bắt buộc)
Khí O2 (Oxygen)	
Số CAS: 7782-44-7 Số UN: 1072 Số đăng ký EC: 231-956-9 Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): NFPA 704 : Sức khỏe 1 – Cháy 0 – Phản ứng 0 Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	
I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN NHÀ CUNG CẤP	
- Tên thường gọi của chất: Khí Oxy	Mã sản phẩm nếu có
- Tên thương mại: Oxygen	
- Tên khác (không là tên khoa học): Khí O2, Khí Oxy	
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: DNTN Dương Hanh Đường D3, Lô B3, CCN La Hà, xã Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: DNTN DƯƠNG HANH Đường D3, lô B3, CCN La Hà, xã Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam ĐT: 0903 527 752
- Tên nhà kinh doanh và địa chỉ: DNTN Dương Hanh Đường D3, Lô B3, CCN La Hà, xã Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam	
- Mục đích sử dụng: + Dùng phụ trợ hàn	
II. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT	
1. Mức xếp loại nguy hiểm: - Phân loại GHS: Loại 1 khí nén áp suất cao, không cháy, không độc hại (H270, H280) - Nhãn GHS:  + Từ cảnh báo: Cảnh báo. + Nhãn cảnh báo GHS03 và GHS04 + Cảnh báo nguy cơ: H270 – Có thể gây ra hoặc làm tăng sự cháy H280 - Chứa khí dưới áp suất; có thể nổ nếu gia nhiệt 2. Cảnh báo nguy hiểm : - Bồn chứa có thể gây cháy nổ nếu tiếp xúc nhiệt. Có thể làm bắt cháy những chất đốt. 3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng Đường mắt: Kích ứng. Đường thở: Gây kích ứng cho đường hô hấp. Gây mệt mỏi, buồn nôn, khó chịu.	

Đường da: Không có thông tin
Đường tiêu hoá: Không có thông tin

III. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Oxygen	7782 - 44- 7	O ₂	99.6%

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt: rửa thật nhiều nước
2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc với da: không
3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp: lực lượng cứu hộ không nên cố gắng tiếp xúc nạn nhân mà không có thiết bị bảo hộ cá nhân. Nên đeo thiết bị thở khép kín
 - Đưa nạn nhân về nơi không khí trong lành càng nhanh càng tốt
 - Nếu nạn nhân không thể thở phải tiến hành hô hấp nhân tạo. Chăm sóc y tế, tham khảo ý kiến của bác sĩ
 - Nếu nạn nhân thở khó thì cho thở ôxy
4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa: Nếu nuốt phải lượng lớn, đưa đến bác sĩ

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

1. Các tác nhân gây cháy nổ: Có thể cháy nổ nếu tiếp xúc nhiệt.
2. Các chất dập cháy thích hợp: Carbon dioxide, các chất hóa học khô thông thường. Đám cháy lớn: dùng bọt hoặc vòi nước mạnh để dập lửa
3. Hướng dẫn biện pháp chữa cháy
 - Nhân viên cứu hỏa phải mang thiết bị bảo vệ thông thường
 - Làm mát chai/thùng chứa bằng cách phun nước
 - Nhân viên không có chức năng phải được sơ tán. Nếu cần thiết di dời về hướng đầu gió
 - Hủy bỏ các chai/thùng chứa trong khu vực cháy nếu không có rủi ro

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ:
 - Sử dụng thông gió đầy đủ, tránh hít phải.
 - Khi bị rò rỉ, phải đóng van nguồn, thổi hệ thống và xả bỏ vào nơi an toàn. Sửa chữa rò rỉ
2. Khi tràn đổ, rò rỉ ở diện rộng:
 - Sơ tán tất cả các nhân viên không cần thiết vào vị trí an toàn.
 - Ngăn chặn rò rỉ nếu có thể mà không gây nguy hiểm cho con người

VII. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

3. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hoá chất nguy hiểm (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...): Rửa sạch tay sau khi sử dụng, sử dụng trong khu vực thông thoáng, giữ kín thùng chứa dung dịch, không để dung dịch dây vào mắt, da và quần áo. Tránh hít, thở làn hơi hóa chất.
4. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung): Giữ kín thùng. Lưu giữ trong khu vực thông thoáng

VIII. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM, YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời gian làm việc): Khẩu trang, găng tay, ủng, quần áo bảo hộ lao động.
2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc:
 - Bảo vệ mắt: Đeo kính bảo hộ.
 - Bảo vệ thân thể: Mặc quần áo bảo hộ.
 - Bảo vệ tay: Đeo găng tay.
 - Bảo vệ chân: Mang ủng.
 - Bảo vệ đường hô hấp: Đeo khẩu trang
3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố: Mặt nạ phòng khí độc, găng tay, ủng.
4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc): Rửa tay sạch sẽ sau khi sử dụng, thay quần áo, giày dép bị hoá chất dấy vào và giặt sạch trước khi sử dụng lại.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: chất khí	Điểm sôi: -183°C
Màu sắc: Không màu	Điểm nóng chảy- thăng hoa: -218°C
Mùi: không mùi	Điểm bùng cháy: không có thông tin
Áp suất hóa hơi (mmHg) ở nhiệt độ: 40 tại 39°C	Nhiệt độ tự cháy: 6.82kJ.mol ⁻¹
Tỷ trọng hơi: 1,04	Giới hạn nồng độ cháy nổ trên: không áp dụng
Độ hòa tan trong nước: 39mg/L	Giới hạn nồng độ cháy nổ dưới: không áp dụng
Độ pH: không áp dụng	Tỷ lệ hóa hơi: 100%
Khối lượng riêng: 60.052g/mol	

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với các tác nhân ma sát, va đập...): ổn định dưới nhiệt độ và áp suất bình thường.
2. Khả năng phản ứng:
 - Phản ứng phân huỷ & sản phẩm của phản ứng phân huỷ: CO...
 - Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh): Nhiệt, lửa ngọn, các chất dễ cháy.
 - Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung: Các chất oxy hoá mạnh, Aniline, Phenol, Isocyanates, Acid anhydrides,

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Oxygen	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loài sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Oxygen	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân huỷ sinh học: không phù hợp
- Chỉ số BOD và COD: không phù hợp
- Sản phẩm của quá trình phân huỷ sinh học : không phù hợp
- Mức độc tính của sản phẩm phân huỷ sinh học: không phù hợp

XIII. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

1. Thông tin quy định tiêu hủy: chưa có thông tin
2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải: chưa có thông tin
3. Biện pháp tiêu hủy: sẽ hóa hơi và tan trong không khí
4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý: chưa có thông tin

XIV. THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Nghị định số 161/2024/NĐ-CP	1072	Oxygen	2.2	Chai chứa chịu áp lực cao	2.2	
Nghị định số 161/2024/NĐ-CP	1072	Oxygen	2.2	Chai chứa chịu áp lực cao	2.2	

XV. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới: chưa có thông tin
2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo đăng ký: chưa có thông tin
3. Tuân thủ theo thông tư: 01/2026/TT-BCT và nghị định 161/2024/NĐ-CP

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 03-03-2026

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: DNTN Dương Hanh

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.

DNTN DƯƠNG HANH

Dương Hanh